TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2021/DS-ST
Ngày 27/9/2021
V/v: Tranh chấp kiện đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Tân Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Xuân Thịnh và ông Nguyễn Hải Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Linh Chi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa: Ông Lương Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Dũng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2021/TLST-DS ngày 16 tháng 7 năm 2021 về tranh chấp kiện đòi tài sản; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2021/QĐXX-ST ngày 25 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1980. (có mặt)

Địa chỉ: Thôn L, xã B, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn A;

Địa chỉ: Thôn Q, xã B, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Thái H- Giám đốc. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tại Toà án nguyên đơn chị Nguyễn Thị S trình bày: Chị kinh doanh buôn bán tạp hoá nhỏ tại địa phương, khoảng vào cuối năm 2010 do có người quen giới thiệu nên chị có đến Công ty trách nhiệm hữu hạn A (viết tắt Công ty A) do ông Đặng Thái H là Giám đốc để liên hệ cung cấp thức ăn cho công nhân. Qua trao đổi trực tiếp với ông H về nguồn hàng, số lượng, chất lượng, chủng loại và giá thành thì hai bên đã thống nhất nên hai bên đã ký kết hợp đồng bằng văn bản với nhau với thời hạn là 02 năm kể từ ngày ký, hết hợp đồng lần đầu hai bên không ký thêm lần nào nữa. Chị có trách nhiệm cung cấp thực phẩm

cho Công ty A bao gồm: Cá, trứng, rau, đậu, lạc, gà, thịt ..... thực phẩm được thay đổi theo bữa ăn ngày, tuần. Thường mỗi ngày chị giao thực phẩm cho công ty từ khoảng 900.000đ đến 1.200.000đ không cố định vì tuỳ số lượng người ăn cũng như loại thực phẩm. Khi chị đưa thực phẩm đến thì có thủ kho, hoặc kế toán của Công ty kiểm tra đúng về số lượng, chất lượng, chủng loại, giá cả phụ thuộc từng đơn hàng, mùa vụ và thị trường nhận hàng sau đó hai bên chốt số lượng, giá thành từng ngày và chốt sổ được thanh toán hàng tháng. Trong suốt từ khi ký hợp đồng (cuối năm 2010) cho đến nay hai bên không có tranh chấp gì về số lượng, chất lượng, chủng loại, giá thành.

Cho đến cuối năm 2018 Công ty A có biểu hiện nợ đọng dài ngày, tuy nhiên do làm ăn với Công ty A nhiều năm nên chị vẫn tiếp tục cung cấp thực phẩm cho Công ty, bởi vậy số nợ ngày càng nhiều. Do số nợ nhiều, dài ngày không thanh toán nên đến ngày 24/7/2019 giữa chị và Công ty A đối chiếu công nợ đến ngày 30/6/2019, Công ty còn nợ chị 147.625.200đ. Sau khi đối chiếu phía Công ty đã ứng trước tiền để chị tiếp tục cung cấp thực phẩm, tuy nhiên thời gian không lâu sau Công ty lại tiếp tục nợ đọng và chị cũng đã lấy gạch của công ty để khấu trừ dần vào số nợ.

Đến ngày 07/12/2020 do Công ty A dừng hoạt động nên hai bên đã đối chiếu công nợ lần cuối. phía Công ty A xác nhận còn nợ chị số tiền là 102.875.800 đồng.

Kể từ khi chốt nợ lần cuối đến nay, sau nhiều lần trực tiếp đến Công ty đòi nợ nhưng vẫn không trả thêm được khoản tiền nào khác.

Nay xác định Công ty A còn nợ 102.875.800 đồng. Chị đề nghị Toà án nhân dân huyện Yên Dũng buộc Công ty A trả cho chị số tiền còn nợ là 102.875.800 đồng.

Chị không yêu cầu trả lãi đối với số tiền trên.

Ngoài ra không trình bày gì thêm.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai Công ty A do ông Đặng Thái H Giám đốc đại diện trình bày: Ông là Giám đốc và là người đại diện theo pháp luật của Công ty A. Hiện nay Công ty đã dừng hoạt động nhưng chưa sáp nhập, tuyên bố phá sản. Trong quá trình hoạt động chị Nguyễn Thị S người thôn L, xã B, huyện Yên Dũng có cung cấp thực phẩm cho Công ty A tại Công ty bao gồm: Cá, trứng, rau, đậu, lạc, gà, thịt ..... thực phẩm được thay đổi theo bữa ăn nhưng giữa hai bên không có ký kết hợp đồng dịch vụ cung cấp thực phẩm. Khi chị S mang thực phẩm đến có thủ kho, hoặc kế toán của Công ty kiểm tra về số lượng, chất lượng, chủng loại, giá cả phụ thuộc từng đơn hàng, mùa vụ và thị trường nhận hàng sau đó hai bên chốt số lượng, giá thành từng ngày và chốt sổ được thanh toán hàng tháng. Trong suốt quá trình cung cấp thực phẩm cho đến khi chốt nợ hai bên không có tranh chấp gì về số lượng, chất lượng, chủng loại, giá thành.

Do tình hình tài chính của Công ty gặp khó khăn không thanh toán đủ cho chị S nên ngày 24/7/2019 giữa chị S và Công ty đối chiếu công nợ đến ngày 30/6/2019 Công ty còn nợ 147.625.200đ. Sau khi đối chiếu phía chị S cũng đã lấy gạch của Công ty để khấu trừ dần vào số nợ.

Đến ngày 07/12/2020 Công ty A và chị S đối chiếu công nợ. Phía Công ty A xác nhận còn nợ chị S số tiền là 102.875.800 đồng.

Kể từ khi chốt nợ lần cuối đến nay, Công ty không trả thêm được khoản tiền nào khác.

Nay xác định Công ty A còn nợ chị Nguyễn Thị S 102.875.800 đồng. Công ty đồng ý trả cho chị S số tiền này.

Ngoài ra không trình bày gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên toà nhận xét:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án: Việc thu thập chứng cứ đầy đủ, khách quan, đảm bảo trình tự tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo nguyên tắc công khai trực tiếp bằng lời nói theo Điều 51, 225 và Điều 239 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện không đầy đủ quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 280, 465 và 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 26, 35, 39, Điều 147, khoản 1 điều 184, 227, 228, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, buộc bị đơn Công ty A có trách nhiệm phải trả nguyên đơn chị Nguyễn Thị S 102.875.800 đồng.

Án phí: Vụ kiện xảy ra là do lỗi của bị đơn, do vậy Công ty A phải chịu 5.143.790 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra còn đề nghị tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Ngày 25/8/2021 Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng do đại diện của Công ty không có mặt tại trụ sở nên tiến hành niêm yết Quyết định tại trụ sở Công ty A. Ngày 10/9/2021 Tòa án đã tiến hành mở phiên tòa công khai tại trụ sở Tòa án nhưng phía đại diện Công ty A vắng mặt, do vậy Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa, và tiến hành niêm yết Quyết định hoãn phiên tòa, tại phiên toà đại diện Công ty A vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử theo trình tự thủ tục chung.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị S yêu cầu Công ty A phải trả số tiền còn nợ là 102.875.800 đồng, cả hai bên đều có địa chỉ tại huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

[3] *Về quan hệ pháp luật:* Chị Nguyễn Thị S kinh doanh tạp hoá nhỏ tại địa phương. Từ năm 2010 đến ngày 07/12/2020 chị S và Công ty A có thoả thuận chị S cung cấp thực phẩm gồm: Cá, trứng, rau, đậu, lạc, gà, thịt ..... cho Công ty A. Quá trình mua bán hai bên không có ý kiến gì về số lượng, chất lượng, chủng loại và giá thành, Trong vụ án này thể hiện chị S bán hàng còn Công ty A mua hàng và trả tiền hàng, các bên chỉ tranh chấp về giấy xác nhận nợ ngày 07/12/2020, như vậy việc mua bán giữa chị S và Công ty A là hợp đồng mua bán tài sản được quy định tại Điều 430 Bộ luật dân sự 2015.

[4] *Về nội dung:* Từ khoảng vào cuối năm 2010 đến 07/12/2020 chị S và Công ty A có thoả thuận chị S cung cấp thực phẩm gồm: Cá, trứng, rau, đậu, lạc, gà, thịt ..... cho Công ty A. Khi chị S đưa thực phẩm đến thì có thủ kho, hoặc kế toán của Công ty kiểm tra về số lượng, chất lượng, chủng loại, giá cả phụ thuộc từng đơn hàng, mùa vụ và thị trường nhận hàng sau đó hai bên chốt số lượng, giá thành từng ngày và chốt sổ được thanh toán hàng tháng. Quá trình mua bán hai bên không ký kết hợp đồng cũng như không có tranh chấp về số lượng, chất lượng, chủng loại và giá thành. Từ cuối năm 2018 Công ty A nợ đọng không thanh toán, nên đến ngày 24/7/2019 giữa chị S và Công ty A đối chiếu công nợ tính đến ngày 30/6/2019, Công ty còn nợ 147.625.200đ. Sau khi đối chiếu phía Công ty đã ứng trước tiền để chị tiếp tục cung cấp thực phẩm, tuy nhiên thời gian không lâu sau Công ty tiếp tục nợ đọng, Đến ngày 07/12/2020 do Công ty A dừng hoạt động nên hai bên đã đối chiếu và trốt nợ lần cuối. phía Công ty A xác nhận còn nợ chị S số tiền là 102.875.800 đồng.

Trong suốt quá trình mua bán cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, giữa chị S và Công ty A không có tranh chấp về số lượng, chất lượng, chủng loại, giá thành thực phẩm (tài sản) mà chỉ tranh chấp về việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán đối với số tiền còn lại là 102.875.800 đồng (chị S yêu cầu Công ty A trả nợ).

Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét về việc giao kết hợp đồng mua bán hàng hoá (thực phẩm) cũng như phần hợp đồng đã thực hiện xong mà chỉ xem xét về việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền 102.875.800 đồng của Công ty A đối với Chị S. Do vậy chị S yêu cầu Công ty A thực hiện nghĩa vụ trả chị S số tiền còn nợ là có căn cứ.

[5] *Xét yêu cầu khởi kiện của chị S thì thấy:*

- Có việc chị S bán và giao thực phẩm thức ăn gồm: Cá, trứng, rau, đậu, lạc, gà, thịt..... cho Công ty A trị giá chốt ngày 07/12/2020 là 102.875.800 đồng.

- Công ty A do ông H đại diện thừa nhận còn nợ tiền mua thức ăn (thực phẩm) của chị S với số tiền là 102.875.800 đồng.

Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị S đối với bị đơn Công ty A. Buộc Công ty A do ông Đặng Thái H đại diện phải có trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Thị S số tiền 102.875.800 đồng *(Một trăm linh hai triệu tám trăm bẩy năm nghìn tám trăm đồng)*.

Chị Nguyễn Thị S không yêu cầu đòi tiền lãi, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] *Về án phí:* Vụ kiện xảy ra là hoàn toàn do lỗi của bị đơn nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7] *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật.

Từ những nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 430, Điều 440 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 26, Điều 147, 227, 228, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

2. Buộc Công ty A do ông Đặng Thái H đại diện phải có trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Thị S số tiền 102.875.800 đồng *(Một trăm linh hai triệu tám trăm bẩy năm nghìn tám trăm đồng)*.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không trả thì hàng tháng người phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hàn án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7^a, 7^b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Án phí: Công ty A phải chịu 5.143.790 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chị Nguyễn Thị S không phải chịu án phí DSST. Hoàn trả chị Nguyễn Thị S số tiền 2.572.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số: AA/2019/0000189 ngày 16/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Dũng, Bắc Giang.

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Dũng;
- Chi cục THA DS huyện Yên Dũng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, VP;

T /M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Tân Thịnh